

Chương 4 : Kế toán hàng tồn kho (NLV + CCDC + Hàng Hóa)

I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Khái niệm

Hàng tồn kho: doanh nghiệp mua về để sản xuất ra thành phẩm; mua hàng hoá để bán mà đang lưu kho (Tức là hàng tồn kho đó đang ở trong kho), Cụ thể hàng tồn kho tồn tại dưới các dạng sau:

- NVL (152); CCDC (153); Thành phẩm (155);
- Thành phẩm dở dang (154),
- Hàng mua đang đi đường (151),
- Hàng gửi đi bán (157).

Ví dụ: về hàng tồn kho của từng loại hình doanh nghiệp như sau:

Đối với doanh nghiệp sản xuất đường thì hàng tồn kho của DN này là:

- Nguyên vật liệu để làm nên đường: Mía
- Và những công cụ dụng cụ (có giá nhỏ hơn 30 triệu) tham gia vào quá trình sản xuất đường
- Thành phẩm: là sản phẩm đường được tạo ra từ mía
- Thành phẩm dở dang (tức là những sản phẩm chưa hoàn thành, hay còn gọi là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang).

2. Tài khoản sử dụng và sổ sách kế toán:

Để theo dõi tăng và giảm hàng tồn kho, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

- TK 152 (Nguyên vật liệu)
- TK 153 (Công cụ, dụng cụ đã học ở bài [Kế toán tài sản cố định](#))
- TK 154 (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)
- TK 155 (Thành phẩm)
- TK 156 (Hàng hóa)
- TK 151 (Hàng mua đang đi đường)
- TK 157 (Hàng gửi đi bán)

Về mặt sổ sách thì kế toán sử dụng 2 loại sổ sách để theo dõi

- Sổ cái thì theo dõi mặt giá trị của từng loại hàng tồn kho (gồm sổ cái 151,152,153,154,155,156,157).
- Tương ứng với từng sổ cái của từng loại hàng tồn kho, kế toán sẽ mở theo dõi chi tiết từng loại hàng tồn kho (nguyên vật liệu, hàng hoá, thành phẩm để theo dõi cả mặt số lượng và mặt giá trị, hàng gửi đi bán, hàng hàng đang đi trên đường).
- Nguyên tắc: tổng giá trị của sổ chi tiết phải bằng tổng giá trị của sổ cái của từng loại hàng tồn kho. Để nhìn thấy tổng quát của tất cả những mặt hàng chi tiết gồm hàng tồn kho tồn đầu kỳ (SL, ĐG, TT) , nhập trong kỳ và xuất trong kỳ, tồn cuối kỳ của từng loại NVL, Thành phẩm, hàng hoá kế toán sẽ lập Bảng tổng hợp nhập xuất tồn của từng loại hàng tồn kho.

Chứng từ sử dụng: Chứng từ sử dụng của hàng tồn kho là dùng để ghi vào sổ sách kế toán Bên Nợ (Phát sinh tăng) và Bên có (Phát sinh giảm) là gồm những chứng từ gì:

TH1: Chứng từ dùng để ghi sổ sách kế toán bên Nợ

Bên nợ của tài khoản hàng tồn kho (Hay còn gọi giá gốc của hàng tồn kho) : Thể hiện phát sinh hàng tồn kho mua vào tăng trong kỳ.

Kế toán dựa vào Chứng từ kế toán nào? để ghi nhận bên nợ Hàng tồn kho:

- Hợp đồng, biên bản kiểm hàng có sự xác nhận giữa bên mua và bên bán,
- Phiếu xuất kho bên bán, biên bản kiểm tra chất lượng hàng
- Hoá đơn tài chính (Hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng) hoặc hoá đơn lẻ, Bảng kê thu mua hàng hoá

TH2: Chứng từ dùng để ghi sổ sách kế toán Bên Có

Bên có của sổ sách hàng tồn kho: Thể hiện hàng tồn kho xuất ra để sản xuất; xuất ra để sử dụng; xuất ra để bán

Kế toán dựa vào Chứng từ nào để ghi nhận vào bên có của hàng tồn kho:

Phiếu đề nghị bán hàng; Phiếu đề nghị cung cấp vật tư; Biên bản giao nhận hàng; Hóa đơn tài chính (GTGT Hoặc hóa đơn bán hàng)

Trường hợp 1: Trường hợp xuất hàng tồn kho (hàng hoá hoặc thành phẩm) để bán

Trường hợp khách hàng mua hàng hóa trả TIỀN MẶT:

- Khi có phiếu đề nghị xuất hàng tồn kho ra để bán, => Kế toán thanh toán sẽ lập phiếu thu (3 liên) đồng thời tiến hành lập hóa đơn tài chính (GTGT hoặc bán hàng)
- Khách hàng ký nhận vào phiếu thu (1 liên thủ quỹ giữ để ghi sổ), 1 liên kế toán thanh toán lưu
- Khách hàng đem phiếu thu tiền và hóa đơn tài chính đến kho để kế toán kho lập phiếu xuất kho và nhận hàng và xuất trình bộ chứng từ cho bảo vệ để kiểm hàng khi ra cổng

Trường hợp khách hàng mua hàng hóa là MUA CHỊU:

- Căn cứ vào hợp đồng giữa 2 bên ký kết,
- Căn cứ vào phiếu đề nghị bán hàng của phòng bán hàng chuyển qua cho kế toán theo dõi công nợ và kế toán bán hàng=>kế toán bán hàng tiến hành xuất hoá đơn tài chính và chuyển cho khách hàng để xuống kho nhận hàng .
- Kế toán kho căn cứ hoá đơn tài chính, lập phiếu xuất kho kèm theo biên bản giao nhận hàng (nếu có) để chuyển cho khách hàng. Ra cổng bảo vệ, khách hàng xuất trình cho bảo vệ bộ chứng từ của việc bán hàng để bảo vệ cho ra cổng.

Trường hợp 2: Trường hợp xuất hàng tồn kho (nguyên vật liệu) để SẢN XUẤT

Căn cứ vào phiếu đề nghị xuất nguyên vật liệu ra để sản xuất, kế toán kho lập phiếu xuất (gồm 3 liên) để chuyển cho thủ kho xuất hàng. Kế toán kho lưu 1 phiếu xuất kho kèm theo phiếu đề nghị xuất vật tư để ghi sổ kế toán

1. Nguyên tắc xác định giá trị nhập kho :

a. Cách tính giá nhập kho hàng hóa, nguyên vật liệu mua trong nước:

$$\text{Giá nhập} = \text{Giá trị trên hoá đơn} + \text{Chi phí mua hàng} - \text{Các khoản giảm giá}$$

Giá trị trên hoá đơn là: Giá trị hàng hóa trên hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

+ Nếu DN bạn thuộc đối tượng kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Thì giá trị trên hóa đơn không bao gồm thuế GTGT.

+ Nếu DN bạn thuộc đối tượng kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp (Hóa đơn bán hàng thông thường): Thì giá trị trên hóa đơn bao gồm cả thuế GTGT.

- Các chi phí mua hàng như: Chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, các khoản chi phí liên quan khác đến khi hàng về nhập kho tại DN.

- Các khoản giảm giá hàng bán: Như Chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán ...

Ví dụ: Kế toán ACB là DN kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có phát sinh mua hàng, cụ thể như sau: - Mua điều hòa giá trước thuế là: 11.900.000, thuế GTGT 10: 1.190.000. Chi phí vận chuyển và lắp đặt là: 200.000 thuế GTGT 10%: 20.000 - Giá nhập kho = 11.900.000 + 200.000 = 12.100.000

b. Cách tính giá nhập kho hàng hóa, nguyên vật liệu thuê ngoài gia công, chế biến

Giá nhập = Giá trị trên hoá đơn + Chi phí mua hàng + Chi phí gia công, chế biến + Các khoản giảm giá

c. Cách tính giá nhập kho hàng hóa, nguyên vật liệu nhập khẩu.

Giá nhập = Giá trị hàng mua + Chi phí mua hàng + Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường (nếu có), thuế GTGT hàng nhập khẩu (nếu không được khấu trừ) - Các khoản giảm giá

- Trường hợp thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ thì giá trị mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế GTGT.
- Trường hợp thuế GTGT hàng nhập khẩu không được khấu trừ thì giá trị mua vào bao gồm cả thuế GTGT.
- Giá trị hàng mua là: Giá trị thực tế mà DN bạn chi trả cho khách hàng
- Chi phí mua hàng: Chi phí lưu kho, bến bãi, bốc xếp

4. Nguyên tắc hạch toán

- **Tổ chức hạch toán hàng tồn kho** theo một trong các phương pháp phù hợp (Kê khai thường xuyên hay Kiểm kê định kỳ), tùy thuộc vào loại hình DN sao cho việc quản lý hàng tồn kho được dễ dàng.
- *Kê khai thường xuyên*: là nhập hàng và xuất hàng đều theo dõi hàng ngày. Tức là tại 1 thời điểm bất kỳ thì luôn biết được số lượng hàng tồn trong sổ sách là bao nhiêu
 - *Kiểm kê định kỳ*: khi nhập hàng thì có theo dõi nhưng khi xuất hàng thì không theo dõi trong sổ sách. Do đó sẽ không biết được số lượng tồn kho theo sổ sách tại một thời điểm bất kỳ mà phải đợi đến cuối kỳ (cuối tháng) tiến hành kiểm kê thì sẽ tính được số lượng xuất ra sử dụng trong kỳ
 - Để theo dõi được từng loại hàng tồn kho thì kế toán đặt mỗi loại nguyên vật liệu; hàng hóa; thành phẩm thành mỗi mã hàng hoá mã nguyên vật liệu, mã thành phẩm để quản lý. Mỗi một mã hàng sẽ được theo dõi tại sổ chi tiết của từng mã hàng hoá, mã thành phẩm và mã nguyên vật liệu, cụ thể ví dụ một sổ chi tiết theo dõi của một loại hàng hóa như sau:

CTYA
DC

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Từ ngày 1/2/2014 đến 28/2/2014

Tài khoản : 156
Mã hàng hóa :
Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm Dây rút
Quy cách, phẩm chất :

DR

Đơn vị tính : Cái
Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ						-	-	
PN1402008	18/02/14	Nạp sản theo Hóa đơn 0081212 ngày 18/02/2014	40.000	1,00	40.000	-	0	-	-	
				-	-	-	0	-	-	
		Cộng phát sinh		1	40.000	-	-	-	-	
		Số dư cuối kỳ						1	40.000	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 28 tháng 1 năm 2014
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

- Mọi trường hợp thừa hay thiếu phải tiến hành điều chỉnh cho đúng với thực tế kiểm kê
Lựa chọn phương pháp giá xuất hàng tồn kho theo một trong 3 phương pháp
- Nhập trước xuất trước (FiFo)
 - Bình quân gia quyền (Cuối tháng hoặc liên hoàn)
 - Thực tế đích danh

5. Nguyên tắc xác định giá trị xuất kho :

- Căn cứ vào phiếu đề nghị xuất nguyên vật liệu ra để sản xuất, kế toán kho lập phiếu xuất (gồm 3 liên) để chuyển cho thủ kho xuất hàng. Kế toán kho lưu 1 phiếu xuất kho kèm theo phiếu đề nghị xuất vật tư để ghi sổ kế toán
 - Xuất hàng tồn kho theo một trong 3 phương pháp:
 - Fifo (Nhập trước, xuất trước),
 - BQGQ (Bình quân gia quyền cuối kỳ, liên hoàn),
 - Thực tế đích danh.
 - Phương pháp FiFo (Nhập trước xuất trước): Là khi xuất kho thì hàng nào nhập trước thì phải lấy đơn giá của lô hàng nhập trước để tính giá xuất kho trước. Sau khi hết lô hàng nhập trước thì mới tiếp tục lấy đơn giá của lô hàng tiếp theo của lô hàng trước đó.
 - Phương pháp Bình quân gia quyền (Cuối tháng, Liên hoàn):
- + **Đơn giá bình quân gia quyền liên hoàn** là từng lần xuất kho phải tính đơn giá xuất kho. Công thức tính cũng giống như công thức tính đơn giá bình quân gia quyền cuối tháng
- *Phương pháp thực tế đích danh*: Thực tế xuất mặt hàng nào thì giá mua vào của mặt hàng đó giá bao nhiêu khi bán ra thì tính giá xuất kho của chính mặt hàng ban đầu luôn.

II. CÁC NGHIỆP VỤ KINH TẾ PHÁT SINH CHỦ YẾU NHƯ SAU:

1. CÁC NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN HÀNG HOÁ (Tài khoản sử dụng 156)

1.1 Bên Nợ 156

1.1.1 Mua vào trong nước

Dựa vào hoá đơn GTGT của bên bán xuất, kế toán hạch toán như sau:

- Nợ 156 (Ghi sổ cái 156 và ghi sổ chi tiết theo từng mặt hàng):
- Nợ 133 (Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ) Nếu có
- Có 331 (Phải trả nhà cung cấp) hoặc Có 111 (Tiền mặt) hoặc Có 112 (Tiền gửi ngân hàng)

Giả sử với hóa đơn tài chính trên được thanh toán bằng tiền mặt kế toán hạch toán như sau:

- Nợ 156 (Hàng hóa): 300.000
- Có 111 (Tiền mặt): 300.000

(Nếu có phát sinh chi phí vận chuyển hàng thì cộng vào trị giá hàng hoá luôn mà không được hạch toán trực tiếp vào chi phí bán hàng hoặc chi phí Quản lý).

Sau khi xác định được nghiệp vụ hạch toán như trên, kế toán tiến hành ghi sổ sách như sau:

- Sổ nhật ký chung ghi nghiệp vụ trên vào
- Sổ cái của tài khoản 156
- Sổ cái của tài khoản 111

- Sau đó kế toán phân tích là do đây là hàng hóa có theo dõi chi tiết theo từng mặt hàng nên tiến hành mở sổ chi tiết theo từng mặt hàng bên trên là sổ chi tiết của mặt hàng nẹp sàn và dây nút (Nếu mà chưa trả tiền thì phải mở sổ chi tiết theo dõi của đối tượng phải trả cụ thể cho người bán), cụ thể ghi sổ chi tiết của 2 mặt hàng này và ghi sổ như sau:

CTYA DC		Mẫu số S10-DN (Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)								
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA Từ ngày 1/2/2014 đến 28/2/2014										
Tài khoản : 156		DR								
Mã hàng hóa :		NS								
Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm Dây nút		Đơn vị tính : Cái								
Quy cách, phẩm chất :		Đồng								
Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ						-	-	
PN1402008	18/02/14	Nẹp sàn theo Hóa đơn 0081212 ngày 18/02/2014	40.000	1,00	40.000	-	0	-	-	
				-	-	-	0	-	-	
		Cộng phát sinh		1	40.000	-	-	-	-	
		Số dư cuối kỳ						1	40.000	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 28 tháng 1 năm 2014 Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)						

CTYA DC		Mẫu số S10-DN (Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)								
SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA Từ ngày 1/2/2014 đến 28/2/2014										
Tài khoản : 156		NS								
Mã hàng hóa :		NS								
Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm Nẹp sàn		Đơn vị tính : Cái								
Quy cách, phẩm chất :		Đồng								
Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ						-	-	
PN1402008	18/02/14	Nẹp sàn theo Hóa đơn 0081212 ngày 18/02/2014	65.000	4,00	260.000	-	0	-	-	
				-	-	-	0	-	-	
		Cộng phát sinh		4	260.000	-	-	-	-	
		Số dư cuối kỳ						4	260.000	
Người ghi sổ (Ký, họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, họ tên)		Ngày 28 tháng 2 năm 2014 Giám đốc (Ký tên, đóng dấu)						

1.1.2 Nếu nhập khẩu từ nước ngoài

❖ Dựa vào tờ khai hải quan, kế toán hạch toán như sau:

- Nợ 156 (Hàng hóa).
- Có 331 (Phải trả cho đơn vị bán)

❖ Đồng thời hạch toán thuế nhập khẩu phải nộp (thuế nhập khẩu tính vào giá trị hàng tồn kho) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Số liệu để ghi nghiệp vụ này cũng lấy trên tờ khai.

- Nợ 156 (Hàng hóa).
- Có 3333 (Thuế nhập khẩu)
- Có 3332 (Thuế tiêu thụ đặc biệt)

Giả sử với Tờ khai trên thì kế toán tiến hành hạch toán như sau:

- Nợ 156 (Hàng hóa). : $9,142.35 \times 20,828 = 190,416,866$
- Có 331 (Phải trả cho đơn vị bán): $= 190,416,866$

(Với tờ Khai trên Do mặt hàng này không chịu thuế TTĐB và thuế nhập khẩu nên trên tờ khai hai loại thuế này bằng không nên không hạch toán nghiệp vụ về thuế nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt).

❖ Sau khi hạch toán được nghiệp vụ trên, kế toán tiến hành ghi vào các loại sổ sau:

- Sổ nhật ký chung của nghiệp vụ trên
- Sổ cái 156 và 331
- Sau đó kế toán mở Sổ chi tiết hàng hóa là Gõ xe để theo dõi và đồng thời mở Sổ chi tiết phải trả người bán (TK 331) là Cty American Lumber Company để theo dõi chi tiết .

❖ *Khi nộp tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu, kế toán dựa vào chứng từ nộp thuế tiến hành hạch toán 2 nghiệp vụ như sau:*

➤ **Nghiệp vụ 1:** Thuế GTGT được khấu trừ

- Nợ 133 (Thuế GTGT được khấu trừ) :
- Có 33312 (Thuế GTGT của hàng nhập khẩu) :

➤ **Nghiệp vụ 2:** Là nộp tiền các loại thuế

- Nợ 3332 (Thuế tiêu thụ đặc biệt) (Nếu có)
- Nợ 3333 (Thuế nhập khẩu) (Nếu có)
- Nợ 33312 (Thuế GTGT hàng nhập khẩu)
- Có 111 (Tiền mặt), hoặc 112 (Tiền gửi ngân hàng)

❖ *Với tờ khai và giấy nộp tiền như trên thì do hàng hóa này không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và không chịu thuế nhập khẩu, nên kế toán tiến hành hạch toán 2 nghiệp vụ sau:*

✎ **Nghiệp vụ 1:** Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ

- Nợ 133 (Thuế VAT đầu vào): 59.191.208
- Có 33312 (Thuế GTGT hàng nhập khẩu): 59.191.208

✎ **Nghiệp vụ 2:** Nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu

- Nợ 33312 (Thuế GTGT hàng nhập khẩu): 59.191.208
- Có 111 (Tiền mặt) 59.191.208

❖ *Sau khi hạch toán được nghiệp vụ trên, kế toán tiến hành ghi vào các loại sổ sau:*

- Sổ nhật ký chung của nghiệp vụ trên
- Sổ cái 133;33312;111

1.2 BÊN CÓ 156 (bán ra)

- Khi Cty xuất bán hàng hoá cho khách hàng, kế toán lập hóa đơn tài chính, Kế toán Dựa vào hóa đơn này và này kế toán hạch toán 2 bút toán sau:

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG						Mẫu số: J1GTKT3/00	
VAT INVOICE						Ký hiệu: BB/11P	
Liên 2: Giao người mua hàng						Số hóa đơn: 0000211	
Ngày 25 tháng 2 năm 2014							
Đơn vị bán hàng:		Cty X					
Địa chỉ:		87 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM					
Điện thoại:							
Mã số thuế:	3600252857						
Tài khoản số:	Tại:						
Họ và tên người mua:		Nguyễn Văn B					
Đơn vị:		Cty A					
Địa chỉ:		41, Mạc Đĩnh Chi, Phường 1, Quận 1, Tp.HCM				Điện thoại:	
Mã số thuế:	0312581896						
Hình thức thanh toán:							
TT	Mã	Tên hàng hóa - dịch vụ	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền	
		Nep sản	cái	4	80.000	320.000	
1		Dây rút	cái	1	50.000	50.000	
Cộng tiền hàng:						370.000	
Thuế suất thuế GTGT:			10 %	Tiền thuế:	37.000		
Tổng cộng thanh toán:						407.000	
Ghi rõ họ tên:			Bốn trăm lẻ bảy ngàn đồng chẵn				
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị			
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)			
				Đỗ Văn A			

❑ **Bút toán 1: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Nợ 131 (Phải thu khách hàng), hoặc Nợ 111, hoặc Nợ 112
- Có 511 (Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ)
- Có 3331 (Thuế GTGT đầu ra).

❑ **Bút toán 2: Giá vốn hàng bán**

- Nợ 632 (Giá vốn hàng bán: theo từng mặt hàng)
- Có 156 (Hàng hoá)

(Cty phải áp dụng một trong 4 phương pháp tính giá xuất kho của hàng tồn kho là FiFo; LiFo; Bình quân gia quyền và Thực tế đích danh thì mới có thể ghi được số tiền vào bút toán số 2).

❑ **Bút toán 1: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

- Nợ 111(Tiền mặt): 407.000
- Có 511 (Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ): 370.000
- Có 3331 (Thuế VAT đầu ra phải nộp): 37.000

❑ **Bút toán 2: Giá vốn hàng bán: Giá sử đơn vị đang sử dụng tính giá xuất kho theo *phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ*. Kế toán dựa vào hóa đơn và phiếu xuất kho, kế toán tiến hành hạch toán như sau:**

- Nợ 632 (Giá vốn hàng bán): 300.000
- Có 156 (Hàng hóa): 300.000

- Sau khi hạch toán được 2 bút toán trên thì Kế toán tiến hành ghi vào các loại sổ sau:
- Sổ nhật ký chung của 2 nghiệp vụ trên
 - Rồi từ đó ghi vào sổ cái 111;511;3331;632;156
 - Tiếp theo là ghi vào chi tiết của tài khoản 156 của 2 mặt hàng đã bán trên hóa đơn như sau:

CTYA
DC

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Từ ngày 1/2/2014 đến 28/2/2014

Tài khoản : 156

Mã hàng hóa : NS

Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa : Nẹp sản

Quy cách, phẩm chất :

Đơn vị tính : Cái
đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ						-	-	
PN1402008	18/02/14	Nẹp sản theo Hóa đơn 0081212 ngày 18/02/2014	65.000	4,00	260.000	-	0	-	-	
PX1402003	25/02/14	Xuất Nẹp sản ra bán cho khách hàng		-	-	4,00	260.000	-	-	
		Cộng phát sinh		4	260.000	4	260.000	-	-	
		Số dư cuối kỳ						-	-	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 28 tháng 2 năm 2014
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

CTYA
DC

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Từ ngày 1/2/2014 đến 28/2/2014

Tài khoản : 156

Mã hàng hóa : DR

Tên vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa : Dây rút

Quy cách, phẩm chất :

Đơn vị tính : Cái

Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đơn giá	Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		Số dư đầu kỳ						-	-	
PN1402008	18/02/14	Nep sản theo Hóa đơn 0081212 ngày 18/02/2014	40.000	1,00	40.000	-	0	-	-	
PX1402003	25/02/14	Xuất Dây nút ra bán cho khách hàng		-	-	1,00	40.000	-	-	
		Cộng phát sinh		1	40.000	1	40.000	-	-	
		Số dư cuối kỳ						-	-	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 28 tháng 1 năm 2014

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

2. CÁC NGHIỆP VỤ LIÊN QUAN ĐẾN NGUYÊN VẬT LIỆU (Tài khoản sử dụng 152)

2.1 BÊN NỢ 152

2.1.1 Mua vào trong nước

- Dựa vào hoá đơn GTGT của bên bán xuất về việc bán nguyên vật liệu, kế toán hạch toán như sau
 - Nợ 152 (Ghi sổ cái 152 và ghi sổ chi tiết theo từng loại NVL)
 - Nợ 133 (Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ)
 - Có 331 (Phải trả người bán) hoặc Có 111 (Tiền Mặt) hoặc Có 112 (Tiền gửi Ngân hàng)

(Nếu có phát sinh chi phí vận chuyển NVL về đến kho thì cộng vào trị giá NVL luôn mà không được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ. Nếu mua nhiều loại nguyên vật liệu thì phân bổ chi phí vận chuyển đó vào giá gốc cho từng mặt hàng theo tiêu thức trị giá nguyên vật liệu mua vào).

2.1.2 Nếu nhập khẩu từ nước ngoài thì

- Dựa vào tờ khai hải quan, kế toán hạch toán như sau:
 - Nợ 152 (Ghi sổ cái 152 và ghi sổ chi tiết theo từng mặt hàng)
 - Có 331 (Phải trả cho đơn vị bán)
 - *(Tỷ giá lấy tỷ giá trên tờ khai hàng nhập khẩu và trị giá nguyên tệ lấy trên tờ khai)*
Đồng thời hạch toán thuế nhập khẩu phải nộp, số liệu để ghi nghiệp vụ này cũng lấy trên **Tờ khai nhập khẩu**
- Nợ 152 (Ghi sổ cái 152 và ghi sổ chi tiết theo từng mặt hàng)
- Có 3333 (Thuế nhập khẩu, nếu có)
- Có 3332 (Thuế TTĐB, nếu có)

❖ Khi nộp tiền thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế NK, kế toán **dựa vào chứng từ nộp thuế** tiến hành hạch toán 2 nghiệp vụ như sau:

Nghiệp vụ 1: Thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ

- Nợ 133 (Thuế GTGT được khấu trừ)
- Có 33312 (Thuế GTGT của hàng nhập khẩu)

Nghiệp vụ 2: Ghi nhận bút toán nộp thuế GTGT hàng nhập khẩu

- Nợ 3332 (Thuế tiêu thụ đặc biệt)
- Nợ 3333 (Thuế nhập khẩu)
- Nợ 33312 (Thuế GTGT hàng nhập khẩu)
- Có 111 (Tiền mặt), hoặc 112 (Tiền gửi ngân hàng)

Lưu ý: Về cách mở sổ sách kế toán để ghi vào bên Nợ 152 cũng hạch toán tương tự như CÁC NGHIỆP VỤ KINH TẾ PHÁT SINH LIÊN QUAN ĐẾN HÀNG HÓA BÊN NỢ 156. Các bạn xem cách hạch toán bên trên nhé

2.2. BÊN CÓ 152

Xuất NVL ra để sản xuất sản phẩm

Căn cứ vào Phiếu xuất kho nguyên vật liệu ra để sản xuất, tiến hành hạch toán

- Nợ 621 (Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp)
- Có 152 (Nguyên vật liệu xuất ra để sản xuất)
- (Ghi chú, giá xuất kho Nguyên vật liệu sử dụng một trong 4 phương pháp: LiFo, FiFo, BQGQ, và Thực tế đích danh để ghi vào bên có 152)

➤ **Lưu ý:** Về cách mở sổ sách kế toán để ghi vào bên Có 152 cũng hạch toán tương tự như CÁC NGHIỆP VỤ KINH TẾ PHÁT SINH LIÊN QUAN ĐẾN HÀNG HÓA BÊN CÓ 156

3. KẾ TOÁN VỀ THÀNH PHẨM (Tài khoản sử dụng 155)

3.1 Bên nợ 155

Nhập kho: Khi nhập kho thành phẩm, kế toán dựa vào phiếu tính giá thành và phiếu báo thành phẩm hoàn thành tức là phiếu nhập kho thành phẩm để tiến hành hạch toán như sau:

- Nợ 155 (Thành phẩm)
- Có 154 (Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang)

3.2 Bên có 155

- Bán thành phẩm ra bên ngoài cho khách hàng, kế toán sẽ xuất hóa đơn tài chính. Kế toán sẽ dựa vào phiếu xuất kho và hóa đơn tài chính để tính giá xuất kho của hàng tồn kho theo 1 trong 4 phương pháp. Cách hạch toán và cách làm cũng tương tự như bên có của 156. Các bạn em bên có của 156 để làm tương tự cho 155 nhé.
- Về xuất thành phẩm hoặc hàng hoá ra để tiêu dùng nội bộ. Tiêu dùng nội bộ tức là xuất thành phẩm ra cho các bộ phận trong công ty sử dụng

Ví dụ: Cty sản xuất quạt, xuất quạt ra cho bộ phận kinh doanh sử dụng), kế toán dựa vào bộ chứng từ xuất kho (gồm phiếu xuất kho, hoá đơn tài chính), tiến hành hạch toán 3 bút toán như sau:

Bút toán 1: Nợ 641 (Chi phí bán hàng)

Có 512 (Doanh thu tiêu thụ nội bộ, ghi theo giá bán). Nghiệp vụ này dựa vào hóa đơn tài chính mà Cty xuất theo giá bán thị trường. Tên người mua và tên người bán đều đứng tên Công ty

Bút toán 2: Nợ 632 (Giá vốn hàng bán, ghi theo giá vốn)

Có 155 (Thành phẩm). Nghiệp vụ này được ghi nhận là tính giá xuất kho của hàng tồn kho theo 4 phương pháp

Bút toán 3: Nợ 133 (Thuế GTGT được khấu trừ)

Có 3331 (Thuế GTGT đầu ra phải nộp). Nghiệp vụ này được ghi nhận dựa vào hóa đơn tài chính để ghi nhận vào. Và Cty không phải nộp thuế vì đầu vào bằng đầu ra.

4. KẾ TOÁN VỀ CÔNG CỤ, DỤNG CỤ (Tài khoản sử dụng 153)

4.1 Bên nợ 153:

- **TH1 :** Mua trong nước. Mua công cụ dụng cụ về nhập kho, dựa vào hoá đơn tài chính (HĐ GTGT hoặc hóa đơn bán hàng) của bên bán hoặc hoá đơn bán lẻ, kế toán hạch toán như sau:
- Nợ 153 (Công cụ, dụng cụ)
 - Nợ 133 (Thuế VAT đầu vào) (nếu có)
 - Có 111 (Tiền mặt), hoặc 112 (Tiền gửi ngân hàng), hoặc 331 (Phải trả người bán)
(Nếu có phát sinh những khoản chi phí vận chuyển liên quan đến công cụ dụng cụ thì hạch toán vào giá gốc của
- **TH2: Nhập khẩu**
Kế toán dựa vào Tờ Khai hải quan, tiến hành hạch toán 2 nghiệp vụ sau:
- ✓ **Nghiệp vụ 1**
 - Nợ 153 (Công cụ, dụng cụ)
 - Có 331 (Phải trả người bán)
 - ✓ **Nghiệp vụ 2:** Thuế Nhập khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
 - Nợ 153 (Công cụ, dụng cụ)
 - Có 3332 (Thuế tiêu thụ đặc biệt)
 - Có 3333 (Thuế nhập khẩu)

4.2 Bên có 153:

- ❖ Xuất Công cụ, dụng cụ (Phiếu xuất kho) ra để phục vụ cho bộ phận sản xuất hoặc bộ phận bán hàng hoặc bộ phận quản lý và phân bổ nhiều kỳ kế toán.
 - Nợ 142 (Chi phí trả trước ngắn hạn dưới 1 năm), hoặc
 - Nợ 242 (Chi phí trả trước dài hạn trên 1 năm)
 - Nợ 133 (Thuế GTGT được khấu trừ)
 - Có 153 (Công cụ, dụng cụ)
 - ❖ Đồng thời, cuối tháng dựa vào bảng phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để hạch toán cho từng bộ phận có liên quan.
 - Nợ 627 (Chi phí sản xuất chung) hoặc 641 (Chi phí bán hàng), hoặc 642 (Chi phí quản lý doanh nghiệp)
 - Có 142, hoặc 242 (bảng trị giá xuất kho/thời gian phân bổ)
- (Theo quy định của thuế TNDN (TT123) hiện hành thì thời gian phân bổ của CCDC không quá 2 năm).

5. KẾ TOÁN HÀNG GỬI ĐI BÁN (TK 157)

- Chỉ phản ánh vào Tài khoản 157 “Hàng gửi đi bán” trị giá của hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi cho khách hàng, gửi bán đại lý, ký gửi, gửi cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán, dịch vụ đã hoàn thành bàn giao cho khách hàng theo hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng, nhưng chưa được xác định là đã bán (Chưa được tính là doanh thu bán hàng trong kỳ đối với số hàng hóa, thành phẩm đã gửi đi, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng).
- Hàng hóa, thành phẩm phản ánh trên tài khoản này vẫn thuộc quyền sở hữu của đơn vị, kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng loại hàng hoá, thành phẩm, từng lần gửi hàng từ khi gửi đi cho đến khi được xác định là đã bán.

5.1 Bên nợ 157

- Xuất hàng hoá hoặc thành phẩm xuống cho khách hàng, cho đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng hoặc cho đơn vị trực thuộc của Công ty mà sử dụng chung hóa đơn của Cty, kế toán sử dụng phiếu xuất kho hàng gửi đi bán đại lý hoặc phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (đối với chi nhánh hoặc cửa hàng) hoặc phiếu xuất kho đối với khách hàng.
- Kế toán hạch toán như sau:
 - Nợ 157 (Hàng gửi đi bán)
 - Có 156 (Hàng hóa); 155 (Thành phẩm)

5.2 Bên có 157:

❖ Khi đại lý bán hàng hoá được, tiến hành lập bảng kê hóa đơn mà đại lý bán được gửi về Cty thì Cty tiến hành xuất hoá đơn hàng hoá đã bán ra cho đại lý và hạch toán như sau

- Nợ 1111,112,131 (Phải thu của đại lý)
- Có 511 (Doanh thu bán hàng hoá)
- Có 3331 (Thuế VAT đầu ra phải nộp).

Đồng thời hạch toán giá vốn hàng đã bán

- Nợ 632 (Giá vốn hàng bán)
- Có 157 (Hàng gửi đi bán)

Số tiền hoa hồng phải trả cho đơn vị nhận bán hàng đại lý hưởng hoa hồng, ghi:

- Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng (Hoa hồng đại lý chưa có thuế GTGT)
- Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)
- Có các TK 111, 112, 131, ...

6. VỀ HÀNG HOÁ MUA ĐANG ĐI ĐƯỜNG (TK 151)

- Hàng hóa, vật tư được coi là thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa nhập kho, bao gồm:
 - Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã thanh toán tiền hoặc đã chấp nhận thanh toán nhưng còn để ở kho người bán, ở bến cảng, bến bãi hoặc đang trên đường vận chuyển;
 - Hàng hóa, vật tư mua ngoài đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nghiệm, kiểm nhận nhập kho.
- Hàng ngày, khi nhận được hóa đơn mua hàng, nhưng hàng chưa về nhập kho, kế toán chưa ghi sổ mà tiến hành đối chiếu với hợp đồng kinh tế và lưu hóa đơn vào tập hồ sơ riêng: “Hàng mua đang đi đường”.
 - Trong tháng, nếu hàng về nhập kho, kế toán căn cứ vào phiếu nhập kho và hóa đơn mua hàng ghi sổ trực tiếp vào các Tài khoản 152 “Nguyên liệu, vật liệu”, Tài khoản 153 “Công cụ, dụng cụ”, Tài khoản 156 “Hàng hóa”.
 - Nếu cuối tháng hàng vẫn chưa về thì căn cứ hóa đơn mua hàng ghi vào Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”.

- Hạch toán nghiệp vụ hàng đang đi trên đường.

Khi mua hàng hoá mà hàng hoá đó đã thuộc sở hữu của Cty nhưng trong tháng hàng chưa về đến kho. Kế toán tiến hành lưu hồ sơ là Hàng đang đi trên đường. Đến cuối tháng nếu hàng vẫn chưa về đến kho Kế toán dựa vào các chứng từ chứng minh hàng hoá đó thuộc sở hữu của Cty (gồm hoá đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hoá).Tiến hành hạch toán

- Nợ 151 (Hàng mua đang đi đườn)
- Nợ 133 (nếu có)
- Có 111,112 hoặc 331

Đến cuối tháng Khi hàng về đến kho, tiến hành thủ tục nhập kho, kế toán dựa vào phiếu nhập kho cùng các chứng từ có liên quan, hạch toán như sau:

- Nợ 156 (Hàng hóa),152 (Nguyên vật liệu) ,153 (Công cụ, dụng cụ)..
- Có 151 (Hàng đang đi trên đường)

7. Hàng tồn kho trình bày trên bảng cân đối kế toán gồm có 2 mục:

- ✓ Hàng tồn kho và Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Lưu ý: Để lập dự phòng hàng tồn kho kế toán phải so sánh giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Nếu giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc thì hàng tồn kho phải được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Tức lúc này phải lập dự phòng